

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CHỈ TIÊU TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI Và thu nhập bình quân đầu người

*Th.S Dương Mạnh Hùng**

1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng, phản ánh toàn bộ kết quả cuối cùng của các hoạt động sản xuất của tất cả các đơn vị thường trú trong nền kinh tế của một nước trong một thời kỳ nhất định (quý, 6 tháng, 9 tháng và năm); phản ánh các mối quan hệ trong quá trình sản xuất, phân phối thu nhập, sử dụng cuối cùng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế quốc dân. Tổng sản phẩm trong nước theo giá thực tế thường dùng để nghiên cứu về cơ cấu và sự biến động về cơ cấu kinh tế theo các ngành, các nhóm ngành, theo loại hình kinh tế, mối quan hệ giữa kết quả sản xuất với phần huy động vào ngân sách nhà nước và phúc lợi xã hội; Tổng sản phẩm trong nước theo giá so sánh dùng để đánh giá tốc độ tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế, của các ngành, các loại hình, các khu vực, nghiên cứu sự thay đổi về khối lượng hàng hóa và dịch vụ mới được tạo ra theo thời gian.

Dưới các góc độ khác nhau, Tổng sản phẩm trong nước mang ý nghĩa và nội dung khác nhau:

- Xét về góc độ sử dụng (chỉ tiêu): GDP là tổng cầu của nền kinh tế bao gồm: Tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình, tiêu dùng cuối cùng của Chính

phủ, tích lũy tài sản và chênh lệch xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ

- Xét về góc độ thu nhập, GDP gồm: thu nhập của người lao động, thuế sản xuất, khấu hao tài sản cố định dùng cho sản xuất và giá trị thặng dư sản xuất trong kỳ;

- Xét về góc độ sản xuất: GDP bằng giá trị sản xuất trừ đi chi phí trung gian.

Từ các góc độ khác nhau, GDP được tính theo các phương pháp khác nhau

Phương pháp sản xuất: Tổng sản phẩm trong nước bằng tổng giá trị tăng thêm của tất cả các ngành kinh tế cộng với thuế nhập khẩu trừ đi trợ cấp sản xuất. Công thức tính GDP có dạng như sau:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) = (bằng) Tổng giá trị tăng thêm của tất cả các ngành + (cộng) Thuế nhập khẩu – trợ cấp sản xuất

Phương pháp thu nhập: Tổng sản phẩm trong nước bằng Tổng thu nhập tạo nên từ các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất như lao động, vốn, đất đai, máy móc. Theo phương pháp này, tổng sản phẩm trong nước gồm 4 yếu tố: thu nhập của người lao động từ sản xuất (bằng tiền và hiện vật quy ra tiền),

* Phó Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia

thuế sản xuất (đã giảm trừ phần trợ cấp cho sản xuất), khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất và thặng dư sản xuất hoặc thu nhập hỗn hợp. Công thức tính GDP có dạng sau:

$$\text{Tổng sản phẩm trong nước} = \text{Thu nhập của người lao động từ sản xuất} + \text{Thuế sản xuất, (đã giảm trừ phần trợ cấp sản xuất)} + \text{Khấu hao TSCĐ dùng trong sản xuất} + \text{Thặng dư hoặc thu nhập hỗn hợp}$$

Phương pháp sử dụng: tổng sản phẩm trong nước bằng tổng của 3 yếu tố: tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình và nhà nước; tích lũy tài sản (tài sản cố định, tài sản lưu động và tài sản quý hiếm) và chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ. Công thức tính GDP có dạng như sau:

$$\text{Tổng sản phẩm trong nước} = \text{Tiêu dùng cuối cùng} + \text{Tích lũy tài sản} + \text{Chênh lệch xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ}$$

Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người: là một trong những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng phản ánh kết quả sản xuất tính bình quân đầu người trong một năm. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người còn là chỉ tiêu được dùng để đánh giá sự phát triển kinh tế theo thời gian và so sánh quốc tế.

Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người được tính bằng cách chia tổng sản phẩm trong nước trong năm cho dân số trung bình trong năm tương ứng. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người có thể tính theo giá thực tế, tính theo nội tệ hoặc ngoại tệ; cũng có thể tính theo giá so sánh để tính tốc độ tăng.

Công thức tính:

$$\text{Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người (VNĐ/người)} = \frac{\text{Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong năm (tính bằng VNĐ)}}{\text{Dân số trung bình trong cùng năm}}$$

Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người tính bằng ngoại tệ được tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái (thực tế) và tỷ giá sức mua tương đương.

$$\text{Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người (theo USD hoặc sức mua tương đương)} = \frac{\text{Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người tính bằng VNĐ}}{\text{Tỷ giá hối đoái VNĐ/USD hoặc tỷ giá sức mua tương đương bình quân năm.}}$$

2. Thu nhập bình quân đầu người là chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng phản ánh mức thu nhập và cơ cấu thu nhập của các tầng lớp dân cư để đánh giá mức sống, phân hóa giàu nghèo, tính tỷ lệ nghèo làm cơ sở cho hoạch định chính sách nhằm nâng cao mức sống của nhân dân, xóa đói, giảm nghèo.

Thu nhập bình quân đầu người được tính bằng cách chia tổng số thu nhập của hộ dân cư cho số nhân khẩu của hộ.

Thu nhập của hộ là toàn bộ số tiền và giá trị của hiện vật sau khi trừ chi phí sản xuất mà hộ và các thành viên của hộ nhận được trong 1 thời kỳ nhất định, thường là 1 năm. Thu nhập của hộ bao gồm:

(1) Thu từ tiền công, tiền lương

(2) Thu từ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (sau khi đã trừ đi chi phí sản xuất và thuế sản xuất)

(3) Thu từ sản xuất ngành nghề phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (sau khi đã trừ đi chi phí sản xuất và thuế sản xuất)

(4) Thu khác được tính vào thu nhập như do biểu, mừng, lãi tiết kiệm...

Các khoản thu không được tính vào thu nhập gồm rút tiền gửi tiết kiệm, thu nợ, thu bán tài sản, vay nợ, tạm ứng và các khoản chuyển nhượng vốn nhận được do liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh ...

Như vậy, chỉ tiêu thu nhập gồm 4 khoản thì 3 khoản (1), (2) và (3) đã được tính trong GDP, tương ứng với chỉ tiêu thu nhập của người lao động và thu nhập hỗn hợp. Khoản (4) là phần thu nhập từ sở hữu

và thu chuyển nhượng sẽ không được tính trong chỉ tiêu GDP. Chỉ tiêu GDP bình quân đầu người còn khác chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người ở điểm trong GDP còn bao gồm thuế sản phẩm, khấu hao tài sản cố định và thặng dư sản xuất.

Từ GDP theo phương pháp thu nhập, thu nhập từ sản xuất của hộ gia đình chính là các khoản thu nhập của người lao động và thu nhập hỗn hợp phản ánh lợi ích của người lao động, thuế sản phẩm phản ánh lợi ích của Nhà nước; khấu hao tài sản cố định và thặng dư phản ánh lợi ích của doanh nghiệp, đây là kết quả của sự phân phối thu nhập lần đầu, từ thu nhập lần đầu hộ gia đình sẽ được hoặc chi trả phần thu nhập về sở hữu và chuyển nhượng hiện hành, hệ thống tài khoản quốc gia định nghĩa đó là quá trình phân phối thu nhập lần hai (thể hiện ở tài khoản phân phối thu nhập lần hai), kết quả này gọi là thu nhập khả dụng của hộ gia đình.

Thu nhập về sở hữu bao gồm:

- Chênh lệch giữa thu nhập của người lao động Việt Nam ở nước ngoài gửi về và thu nhập của người nước ngoài ở Việt Nam gửi ra

- Thu nhập hay chi trả sở hữu bao gồm các khoản sau:

◦ Thu nhập hoặc chi trả về lợi tức đầu tư trực tiếp với nước ngoài;

◦ Thu nhập hoặc chi trả lợi tức đầu tư vào giấy tờ có giá như: cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, các loại giấy tờ có giá và công cụ tài chính khác;

◦ Thu nhập hoặc chi trả lợi tức về cho thuê, mướn, quyền sử dụng, bản quyền sáng chế, nhãn mác, quyền khai thác khoáng sản phục vụ cho quá

trình sản xuất, cho thuê đất đai, vùng trời, vùng biển, tô giới,

- .
- ..
- ...

Chuyển nhượng hiện hành bao gồm:

- Thuế đánh vào thu nhập và của cải thuần (Thuế lợi tức doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các loại lệ phí đánh vào của cải và tiêu dùng khác);

- Chuyển nhượng hiện hành khác, gồm đóng bảo hiểm y tế, tiền hưu trí mất sức, đóng/chi trả bảo hiểm tai nạn, rủi ro, nộp niên liễm, nguyệt liễm, viện trợ nhân đạo, quà biếu, tặng của chính phủ, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế, ngoài ra còn bao gồm cả các khoản quà biếu và kiều hối của các hộ gia đình nhận được từ nước ngoài và ngược lại gửi ra nước ngoài.

Như vậy, thu nhập khả dụng được tính theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập khả dụng} = \text{GDP} \quad +/- \quad \text{Thu nhập sở hữu} \quad +/- \quad \text{Chuyển nhượng hiện hành}$$

Tài liệu tham khảo:

1. Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA1993, 2008)
2. Phương pháp biên soạn hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam, NXB Thống Kê năm 1993, 1998, 2003.
3. Sổ tay tài khoản quốc gia 1993 (SNA 1993)
4. Phương pháp tính một số chỉ tiêu chủ yếu của TKQG theo khu vực thể chế ở Việt Nam, NXB Thống Kê 2003.
5. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.
6. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007.